ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
VĂN PHÒNG UBND THÀNH PHỐ

Số: 790 /TB-VP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 15 tháng 12 năm 2025

THÔNG BÁO

Kết quả Bộ chỉ số chỉ đạo, điều hành và đánh giá chất lượng phục vụ người dân, doanh nghiệp trong thực hiện thủ tục hành chính, dịch vụ công theo thời gian thực trên môi trường điện tử của Thành phố Hồ Chí Minh trên Cổng Dịch vụ công Quốc gia (tuần thứ 49)

Căn cứ Quyết định số 766/QĐ-TTg phê duyệt Bộ chỉ số chỉ đạo, điều hành và đánh giá chất lượng phục vụ người dân, doanh nghiệp trong thực hiện thủ tục hành chính, dịch vụ công theo thời gian thực trên môi trường điện tử.

Căn cứ kết quả đánh giá các tiêu chí của Bộ chỉ số, kết quả Thành phố trên Cổng Dịch vụ công Quốc gia[1]:

1. Kết quả Thành phố Hồ Chí Minh: đạt hạng 29/34 với tổng số điểm đạt được 86,34 điểm (tuần trước 85,76 điểm) (phụ lục 1).

1.1. Công khai, minh bạch: 15,41/18 điểm (tuần trước 15,41 điểm)

- Tỷ lệ cập nhật, công khai đúng hạn: 34,87%.
- Tỷ lệ thủ tục hành chính được cập nhật, công khai đúng hạn: 43,6%.
- Tỷ lệ công khai đầy đủ các nội dung quy định: 100% (2.292 thủ tục).
- Hồ sơ đồng bộ lên cổng DVCQG: 2.698.617 hồ sơ đồng bộ.

1.2. Tiến độ giải quyết: 18,88/20 điểm (tuần trước 18,84 điểm)

Tỷ lệ giải quyết hồ sơ đúng hạn của Thành phố đạt mức trung cao khoảng 97,7%, hiện các đơn vị vẫn còn hồ sơ xử lý quá hạn (kèm phụ lục 3).

1.3. Dịch vụ trực tuyến: 16,27/22 điểm (tuần trước 16,2 điểm)

1.3.1. Dịch vụ công trực tuyến: 8,4/12 điểm (tuần trước 8,4 điểm)

- Tỷ lệ TTHC cung cấp DVCTT một phần: 49,31% (1.136 DVCTT).
- Tỷ lệ TTHC cung cấp DVCTT toàn trình: 43,84 (1.010 DVCTT).
- Còn lại: 6,86% (158 TTHC).
- Hồ sơ nộp trực tuyến: 74,68% (2.054.043/2.698.617 hồ sơ).
- Hồ sơ xử lý đúng hạn: 97,7%.
- Tỷ lệ TTHC có DVC trực tuyến phát sinh hồ sơ trên Cổng DVCQG: 40,5%.

1.3.2. Thanh toán trực tuyến: 7,87/10 điểm (tuần trước 7,8 điểm)

- Tỷ lệ TTHC có giao dịch thanh toán trực tuyến: 82,4% (674 TTHC).

[1] Số liệu trích xuất vào lúc 7 giờ 30 phút, ngày 08/12/2025 tại địa chỉ https://dichvucong.gov.vn/p/home/dvc-index-tinhthanhpho-tonghop.html với mốc lấy số liệu năm 2025

- Tỷ lệ hồ sơ thanh toán trực tuyến 79,8% (1.648.861 hồ sơ).

- Tỷ lệ TTHC có yêu cầu nghĩa vụ tài chính: 98,09% (461 TTHC).

1.4. Mức độ hài lòng: 17,88/18 điểm (tuần trước 17,88 điểm)

- Tỷ lệ hài lòng trong xử lý phản ánh, kiến nghị 98,0%.

- Tỷ lệ hài lòng trong tiếp nhận, giải quyết TTHC 94,39%.

1.5. Số hóa hồ sơ: 17,9/22 điểm (tuần trước 17,43 điểm)

- Tỷ lệ hồ sơ cấp kết quả điện tử: 81,80%.

- Tỷ lệ hồ sơ TTHC số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết TTHC: 78,85%.

- Tỷ lệ khai thác, sử dụng lại thông tin dữ liệu số hóa: 49,04% (1.373.477 hồ sơ).

2. Đánh giá:

Thành phố đã có nhiều nỗ lực, điểm tăng đáng chú ý nhất là điểm số hóa có bước tiến bộ tốt, ngoài những nguyên nhân như đã nêu tại Thông báo tuần 41 vẫn còn nhưng các đơn vị đã có những bước tiến trong cải thiện điểm số.

3. Giải pháp, phương hướng:

Căn cứ các đề xuất giải pháp đã nêu ở Thông báo tuần 41, các cơ quan, đơn vị triển khai thực hiện, tùy thuộc vào điều kiện của cơ quan, đơn vị mà có những giải pháp tốt hơn, phù hợp để cải thiện điểm số, nâng cao thứ hạng.

Đề nghị Thủ trưởng cơ quan, đơn vị, Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường, xã, đặc khu phổ biến, quán triệt Thông báo này đến các cán bộ, công chức, viên chức của đơn vị, địa phương./.

(Kèm theo các phụ lục)

Nơi nhận:
- Như trên;
- TTUB: CT, các PCT (để báo cáo)
- VPUB: CVP, PCVP;
- Sở, ban, ngành Thành phố;
- Trung tâm Chuyển đổi số Thành phố;
- UBND phường, xã, đặc khu;
- TT PVHCC TP;
- Lưu: VT, TNSH/ĐL.

KT. CHÁNH VĂN PHÒNG
PHÓ CHÁNH VĂN PHÒNG

CỘNG HÒA X.H.C.N VIỆT NAM
VĂN PHÒNG ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Vũ Thị Huỳnh Mai

Phụ lục 1
Điểm, tỷ lệ đạt được của Thành phố

TT	Chỉ số	Điểm tối đa	Điểm đạt được	Tỷ lệ đạt được (%)	Ghi chú
I	**Công khai, minh bạch**	**18**	**15,41**		
1	Tỷ lệ thủ tục hành chính công bố đúng hạn	6		34,87	
2	Tỷ lệ thủ tục hành chính được cập nhật, công khai đúng hạn	4		43,6	
3	Tỷ lệ thủ tục hành chính được công khai có đầy đủ các nội dung quy định về các bộ phận tạo thành của thủ tục hành chính	2		100	
4	Tỷ lệ hồ sơ đồng bộ lên Cổng Dịch vụ công Quốc gia	6			2.698.617 hồ sơ
II	**Tiến độ, kết quả giải quyết**	**20**	**18,88**		
5	Tỷ lệ hồ sơ xử lý đúng hạn	20		97,7	
III	**Cung cấp dịch vụ trực tuyến**	**22**	**16,27**		
III.1	**Dịch vụ công**	**12**	**8,4**		
6	Tỷ lệ thủ tục hành chính cung cấp dịch vụ công trực tuyến	2		93,14	
7	Tỷ lệ dịch vụ công trực tuyến có phát sinh hồ sơ	4		41,1	
8	Tỷ lệ hồ sơ thủ tục hành chính theo hình thức nộp trực tuyến	6		74,68	
III.2	**Thanh toán trực tuyến**	**10**	**7,87**		
9	Tỷ lệ thủ tục hành chính có giao dịch thanh toán trực tuyến	2		82,4	
10	Tỷ lệ thủ tục hành chính có yêu cầu nghĩa vụ tài chính được tích hợp để người dân có thể thanh toán trực tuyến trên Cổng Dịch vụ công Quốc gia	2		98,09	
11	Tỷ lệ hồ sơ thanh toán trực tuyến	6		79,8	
IV	**Số hóa hồ sơ**	**22**	**17,9**		
12	Tỷ lệ hồ sơ thủ tục hành chính có cấp kết quả giải quyết thủ tục hành chính điện tử	6		81,80	
13	Tỷ lệ hồ sơ thủ tục hành chính thực hiện số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết thủ tục hành chính	4		78,85	

14	Tỷ lệ khai thác, sử dụng lại thông tin, dữ liệu số hóa	2		49,04	
15	Tỷ lệ cung cấp dịch vụ chứng thực bản sao điện tử từ bản chính	2			
16	Tỷ lệ hồ sơ thủ tục hành chính được số hóa có kết nối, đồng bộ với danh mục hồ sơ của cá nhân, tổ chức trên Cổng Dịch vụ công Quốc gia	4			
*	**Ứng dụng dữ liệu dân cư trong giải quyết thủ tục hành chính, cung cấp dịch vụ công**				
17	Tỷ lệ thủ tục hành chính triển khai kết nối, chia sẻ dữ liệu dân cư phục vụ giải quyết thủ tục hành chính	2			
18	Tỷ lệ hồ sơ thủ tục hành chính có sử dụng thông tin, dữ liệu dân cư	2			
V	**Mức độ hài lòng**	**18**	**17,88**		
19	Tỷ lệ phản ánh, kiến nghị xử lý đúng hạn	6		99,96	
20	Tỷ lệ hài lòng trong xử lý phản ánh, kiến nghị	6		98	
21	Tỷ lệ hài lòng trong tiếp nhận, giải quyết thủ tục hành chính	6		94,39	
Tổng		**100**	**86,34**		

Phụ lục 2
Danh sách tổng điểm, xếp hạng của các đơn vị

TT	Đơn vị	Điểm	Hạng
Sở, ban, ngành			
1	Sở An toàn thực phẩm	91.07	Xuất sắc
2	Sở Xây dựng	90.71	Xuất sắc
3	Sở Du lịch	88.75	Tốt
4	Sở Dân tộc và Tôn giáo	88.62	Tốt
5	Sở Tài chính	85.61	Tốt
6	Ban Quản lý Khu Chế xuất và công nghiệp	85.45	Tốt
7	Sở Y tế	85.22	Tốt
8	Sở Quy hoạch - Kiến trúc	84.58	Tốt
9	Sở Nội vụ	83.56	Tốt
10	Sở Văn hóa và Thể thao	83.49	Tốt
11	Sở Nông nghiệp và Môi trường	82.98	Tốt
12	Sở Công Thương	82.71	Tốt
13	Ban Quản lý Khu Công nghệ cao	77.43	khá
14	Công an Thành phố	75.83	khá
15	Sở Khoa học và Công nghệ	72.81	khá
16	Sở Giáo dục và Đào tạo	64.69	Trung bình
17	Sở Tư pháp	57.73	Trung bình
UBND cấp xã			
1	Ủy ban nhân dân Phường Tân Đông Hiệp	94.16	Xuất sắc
2	Ủy ban nhân dân Phường Cầu Kiệu	93.74	Xuất sắc
3	Ủy ban nhân dân Phường Đông Hòa	93.51	Xuất sắc

TT	Đơn vị	Điểm	Hạng
4	Ủy ban nhân dân Xã An Nhơn Tây	93.43	Xuất sắc
5	Ủy ban nhân dân Xã Châu Đức	93.32	Xuất sắc
6	Ủy ban nhân dân Phường Diên Hồng	93.22	Xuất sắc
7	Ủy ban nhân dân Phường Tân Sơn	93.18	Xuất sắc
8	Ủy ban nhân dân Phường Bảy Hiền	93.17	Xuất sắc
9	Ủy ban nhân dân Phường Đức Nhuận	93.14	Xuất sắc
10	Ủy ban nhân dân Xã Nhuận Đức	93.13	Xuất sắc
11	Ủy ban nhân dân Phường An Đông	93.13	Xuất sắc
12	Ủy ban nhân dân Xã Hưng Long	93.01	Xuất sắc
13	Ủy ban nhân dân Phường Bình Thới	92.88	Xuất sắc
14	Ủy ban nhân dân Xã Phú Hòa Đông	92.86	Xuất sắc
15	Ủy ban nhân dân Phường Chợ Quán	92.83	Xuất sắc
16	Ủy ban nhân dân Xã Nhà Bè	92.8	Xuất sắc
17	Ủy ban nhân dân Xã Long Hải	92.68	Xuất sắc
18	Ủy ban nhân dân Phường Vườn Lài	92.63	Xuất sắc
19	Ủy ban nhân dân Phường Dĩ An	92.61	Xuất sắc
20	Ủy ban nhân dân Xã Ngãi Giao	92.57	Xuất sắc
21	Ủy ban nhân dân Phường Hòa Hưng	92.53	Xuất sắc
22	Ủy ban nhân dân Phường Thuận Giao	92.51	Xuất sắc
23	Ủy ban nhân dân Xã Tân An Hội	92.46	Xuất sắc
24	Ủy ban nhân dân Phường An Khánh	92.46	Xuất sắc
25	Ủy ban nhân dân Xã Xuân Thới Sơn	92.39	Xuất sắc
26	Ủy ban nhân dân Phường An Phú Đông	92.33	Xuất sắc
27	Ủy ban nhân dân Phường Bình Tân	92.3	Xuất sắc

TT	Đơn vị	Điểm	Hạng
28	Ủy ban nhân dân Phường Thủ Dầu Một	92.3	Xuất sắc
29	Ủy ban nhân dân Phường Khánh Hội	92.26	Xuất sắc
30	Ủy ban nhân dân Phường An Nhơn	92.19	Xuất sắc
31	Ủy ban nhân dân Phường Phước Thắng	92.19	Xuất sắc
32	Ủy ban nhân dân Phường Long Nguyên	92.15	Xuất sắc
33	Ủy ban nhân dân Phường Bình Tiên	92.12	Xuất sắc
34	Ủy ban nhân dân Phường Bình Hưng Hòa	92.1	Xuất sắc
35	Ủy ban nhân dân Phường Sài Gòn	92.09	Xuất sắc
36	Ủy ban nhân dân Xã Long Sơn	92.08	Xuất sắc
37	Ủy ban nhân dân Phường An Phú	92.07	Xuất sắc
38	Ủy ban nhân dân Xã Long Điền	92.06	Xuất sắc
39	Ủy ban nhân dân Phường Bình Quới	92.05	Xuất sắc
40	Ủy ban nhân dân Phường Chánh Hiệp	91.92	Xuất sắc
41	Ủy ban nhân dân Phường Bình Dương	91.91	Xuất sắc
42	Ủy ban nhân dân Phường Tân Tạo	91.88	Xuất sắc
43	Ủy ban nhân dân Xã Bà Điểm	91.85	Xuất sắc
44	Ủy ban nhân dân Xã Đông Thạnh	91.85	Xuất sắc
45	Ủy ban nhân dân Phường Phú Nhuận	91.82	Xuất sắc
46	Ủy ban nhân dân Phường Minh Phụng	91.81	Xuất sắc
47	Ủy ban nhân dân Phường Phú Lợi	91.79	Xuất sắc
48	Ủy ban nhân dân Xã Hóc Môn	91.75	Xuất sắc
49	Ủy ban nhân dân Xã Phú Giáo	91.74	Xuất sắc
50	Ủy ban nhân dân Phường Phú Lâm	91.67	Xuất sắc
51	Ủy ban nhân dân Xã Bắc Tân Uyên	91.67	Xuất sắc

TT	Đơn vị	Điểm	Hạng
52	Ủy ban nhân dân Xã Bình Lợi	91.65	Xuất sắc
53	Ủy ban nhân dân Phường Bình Cơ	91.6	Xuất sắc
54	Ủy ban nhân dân Xã Hiệp Phước	91.59	Xuất sắc
55	Ủy ban nhân dân Xã Nghĩa Thành	91.58	Xuất sắc
56	Ủy ban nhân dân Phường Tây Thạnh	91.57	Xuất sắc
57	Ủy ban nhân dân Phường Long Phước	91.56	Xuất sắc
58	Ủy ban nhân dân Phường Tân Bình	91.56	Xuất sắc
59	Ủy ban nhân dân Xã Thái Mỹ	91.55	Xuất sắc
60	Ủy ban nhân dân Xã Bình Giã	91.53	Xuất sắc
61	Ủy ban nhân dân Xã An Long	91.53	Xuất sắc
62	Ủy ban nhân dân Xã Minh Thạnh	91.53	Xuất sắc
63	Ủy ban nhân dân Phường Tam Thắng	91.53	Xuất sắc
64	Ủy ban nhân dân Phường Phú An	91.52	Xuất sắc
65	Ủy ban nhân dân Phường Tân Phú	91.49	Xuất sắc
66	Ủy ban nhân dân Phường Thủ Đức	91.49	Xuất sắc
67	Ủy ban nhân dân Phường Tân Định	91.49	Xuất sắc
68	Ủy ban nhân dân Phường Cầu Ông Lãnh	91.47	Xuất sắc
69	Ủy ban nhân dân Phường Bình Đông	91.47	Xuất sắc
70	Ủy ban nhân dân Phường Tân Hiệp	91.44	Xuất sắc
71	Ủy ban nhân dân Phường Tăng Nhơn Phú	91.43	Xuất sắc
72	Ủy ban nhân dân Phường Vĩnh Tân	91.42	Xuất sắc
73	Ủy ban nhân dân Xã Phước Thành	91.37	Xuất sắc
74	Ủy ban nhân dân Phường An Hội Đông	91.35	Xuất sắc
75	Ủy ban nhân dân Phường Tân Khánh	91.35	Xuất sắc

TT	Đơn vị	Điểm	Hạng
76	Ủy ban nhân dân Xã Xuân Sơn	91.27	Xuất sắc
77	Ủy ban nhân dân Xã Long Hòa	91.27	Xuất sắc
78	Ủy ban nhân dân Phường Tây Nam	91.26	Xuất sắc
79	Ủy ban nhân dân Phường Trung Mỹ Tây	91.26	Xuất sắc
80	Ủy ban nhân dân Phường Bình Phú	91.26	Xuất sắc
81	Ủy ban nhân dân Xã Dầu Tiếng	91.25	Xuất sắc
82	Ủy ban nhân dân Phường Bến Cát	91.24	Xuất sắc
83	Ủy ban nhân dân Xã Thanh An	91.24	Xuất sắc
84	Ủy ban nhân dân Xã Trừ Văn Thố	91.24	Xuất sắc
85	Ủy ban nhân dân Phường Hiệp Bình	91.22	Xuất sắc
86	Ủy ban nhân dân Xã Hòa Hiệp	91.22	Xuất sắc
87	Ủy ban nhân dân Phường Rạch Dừa	91.18	Xuất sắc
88	Ủy ban nhân dân Phường Cát Lái	91.16	Xuất sắc
89	Ủy ban nhân dân Phường Hòa Lợi	91.13	Xuất sắc
90	Ủy ban nhân dân Phường Tân Hòa	91.13	Xuất sắc
91	Ủy ban nhân dân Phường Thới An	91.11	Xuất sắc
92	Ủy ban nhân dân Phường Bình Trị Đông	91.11	Xuất sắc
93	Ủy ban nhân dân Xã Bình Chánh	91.09	Xuất sắc
94	Ủy ban nhân dân Phường Thới Hòa	91.08	Xuất sắc
95	Ủy ban nhân dân Phường Tân Mỹ	91.07	Xuất sắc
96	Ủy ban nhân dân Xã Phước Hải	91.06	Xuất sắc
97	Ủy ban nhân dân Phường Phú Định	91.04	Xuất sắc
98	Ủy ban nhân dân Xã Thường Tân	91	Xuất sắc
99	Ủy ban nhân dân Phường Xuân Hòa	90.97	Xuất sắc

TT	Đơn vị	Điểm	Hạng
100	Ủy ban nhân dân Xã Bàu Bàng	90.92	Xuất sắc
101	Ủy ban nhân dân Phường Bà Rịa	90.88	Xuất sắc
102	Ủy ban nhân dân Phường Phú Thọ	90.84	Xuất sắc
103	Ủy ban nhân dân Phường Bình Tây	90.81	Xuất sắc
104	Ủy ban nhân dân Phường Hòa Bình	90.76	Xuất sắc
105	Ủy ban nhân dân Xã Phước Hòa	90.74	Xuất sắc
106	Ủy ban nhân dân Phường Nhiêu Lộc	90.69	Xuất sắc
107	Ủy ban nhân dân Xã Xuyên Mộc	90.68	Xuất sắc
108	Ủy ban nhân dân Xã Bình Khánh	90.67	Xuất sắc
109	Ủy ban nhân dân Xã Tân Nhựt	90.61	Xuất sắc
110	Ủy ban nhân dân Phường Bến Thành	90.59	Xuất sắc
111	Ủy ban nhân dân Phường An Hội Tây	90.57	Xuất sắc
112	Ủy ban nhân dân Xã Bình Hưng	90.54	Xuất sắc
113	Ủy ban nhân dân Xã Hồ Tràm	90.5	Xuất sắc
114	Ủy ban nhân dân Phường Phú Thuận	90.39	Xuất sắc
115	Ủy ban nhân dân Phường Bàn Cờ	90.38	Xuất sắc
116	Ủy ban nhân dân Phường Tân Thới Hiệp	90.35	Xuất sắc
117	Ủy ban nhân dân Phường Chánh Hưng	90.32	Xuất sắc
118	Ủy ban nhân dân Phường Tân Hải	90.23	Xuất sắc
119	Ủy ban nhân dân Phường Vĩnh Hội	90.21	Xuất sắc
120	Ủy ban nhân dân Phường Phú Thọ Hòa	90	Xuất sắc
121	Ủy ban nhân dân Phường Long Hương	89.88	Tốt
122	Ủy ban nhân dân Phường Tân Thành	89.78	Tốt
123	Ủy ban nhân dân Phường Tam Bình	89.75	Tốt

TT	Đơn vị	Điểm	Hạng
124	Ủy ban nhân dân Xã Bình Mỹ	89.72	Tốt
125	Ủy ban nhân dân Xã Bàu Lâm	89.69	Tốt
126	Ủy ban nhân dân Phường Thuận An	89.67	Tốt
127	Ủy ban nhân dân Phường Bình Hòa	89.63	Tốt
128	Ủy ban nhân dân Phường Tân Sơn Nhất	89.46	Tốt
129	Ủy ban nhân dân Phường Hạnh Thông	89.45	Tốt
130	Ủy ban nhân dân Phường Bình Thạnh	89.44	Tốt
131	Ủy ban nhân dân Phường Chợ Lớn	89.43	Tốt
132	Ủy ban nhân dân Phường Tân Sơn Hòa	89.29	Tốt
133	Ủy ban nhân dân Xã Củ Chi	89.08	Tốt
134	Ủy ban nhân dân Phường Phước Long	89.07	Tốt
135	Ủy ban nhân dân Phường Tân Sơn Nhì	88.99	Tốt
136	Ủy ban nhân dân Phường Linh Xuân	88.99	Tốt
137	Ủy ban nhân dân Phường Gò Vấp	88.92	Tốt
138	Ủy ban nhân dân Xã Vĩnh Lộc	88.85	Tốt
139	Ủy ban nhân dân Phường Thông Tây Hội	88.7	Tốt
140	Ủy ban nhân dân Xã Kim Long	88.63	Tốt
141	Ủy ban nhân dân Xã Bình Châu	88.62	Tốt
142	Ủy ban nhân dân Xã Đất Đỏ	88.49	Tốt
143	Ủy ban nhân dân Phường Thạnh Mỹ Tây	88.47	Tốt
144	Ủy ban nhân dân Phường Chánh Phú Hòa	88.35	Tốt
145	Ủy ban nhân dân Phường Bình Lợi Trung	88.29	Tốt
146	Ủy ban nhân dân Xã Hòa Hội	88.21	Tốt
147	Ủy ban nhân dân Phường Tam Long	88.04	Tốt

TT	Đơn vị	Điểm	Hạng
148	Ủy ban nhân dân Phường Vũng Tàu	87.97	Tốt
149	Ủy ban nhân dân Phường Tân Hưng	87.83	Tốt
150	Ủy ban nhân dân Phường Bình Trưng	87.69	Tốt
151	Ủy ban nhân dân Xã Tân Vĩnh Lộc	87.55	Tốt
152	Ủy ban nhân dân Phường Long Trường	87.51	Tốt
153	Ủy ban nhân dân Phường Tân Phước	87.49	Tốt
154	Ủy ban nhân dân Phường Gia Định	87.32	Tốt
155	Ủy ban nhân dân Phường An Lạc	87.23	Tốt
156	Ủy ban nhân dân Phường Tân Thuận	87.18	Tốt
157	Ủy ban nhân dân Phường Xóm Chiếu	87.13	Tốt
158	Ủy ban nhân dân Xã An Thới Đông	86.99	Tốt
159	Ủy ban nhân dân Phường Phú Mỹ	86.77	Tốt
160	Ủy ban nhân dân Phường Phú Thạnh	86.62	Tốt
161	Ủy ban nhân dân Phường Đông Hưng Thuận	86.47	Tốt
162	Ủy ban nhân dân Phường Lái Thiêu	86.24	Tốt
163	Ủy ban nhân dân Phường Tân Uyên	86.24	Tốt
164	Ủy ban nhân dân Đặc khu Côn Đảo	86	Tốt
165	Ủy ban nhân dân Phường Long Bình	85.94	Tốt
166	Ủy ban nhân dân Xã Cần Giờ	85.45	Tốt
167	Ủy ban nhân dân Xã Châu Pha	84.04	Tốt
168	Ủy ban nhân dân Xã đảo Thạnh An	83.44	Tốt

Phụ lục 3
Danh mục hồ sơ xử lý quá hạn

STT	Tên cơ quan/đơn vị	Mã định danh	Tổng số hồ sơ xử lý quá hạn
1	Văn phòng Đăng ký đất đai Thành phố	H29.14.10	1757
2	Sở Nông nghiệp và Môi trường	H29.14	987
3	Sở Tài chính	H29.13	397
4	Công an Thành phố	H29.996	387
5	Sở Công Thương	H29.2	331
6	Sở Tư pháp	H29.16	267
7	Sở Y tế	H29.19	180
8	Sở An toàn thực phẩm	H29.109	155
9	Ủy ban nhân dân Xã Bà Điểm	H29.243	94
10	Ủy ban nhân dân Xã Bàu Lâm	H29.272	69
11	Ủy ban nhân dân Phường Hiệp Bình	H29.146	65
12	Sở Xây dựng	H29.18	64
13	Ủy ban nhân dân Phường Tam Long	H29.255	60
14	Ủy ban nhân dân Phường Rạch Dừa	H29.250	54
15	Ủy ban nhân dân Phường Tân Hải	H29.259	47
16	Ủy ban nhân dân Phường Phú Lâm	H29.174	46
17	Ủy ban nhân dân Xã Cần Giờ	H29.231	41
18	Ban Quản lý Khu Chế xuất và công nghiệp	H29.34	39
19	Ủy ban nhân dân Phường Bình Trưng	H29.156	39
20	Ủy ban nhân dân Phường Vũng Tàu	H29.248	34
21	Ủy ban nhân dân Xã Thường Tân	H29.303	34
22	Ủy ban nhân dân Xã Thái Mỹ	H29.236	33
23	Ủy ban nhân dân Xã Bình Khánh	H29.233	31
24	Ủy ban nhân dân Phường Tân Uyên	H29.293	27
25	Ủy ban nhân dân Phường Phú Lợi	H29.290	27
26	Ủy ban nhân dân Phường Long Bình	H29.150	27
27	Ủy ban nhân dân Phường Tam Bình	H29.147	25
28	Ủy ban nhân dân Phường Đông Hưng Thuận	H29.189	25
29	Ủy ban nhân dân Phường Gia Định	H29.199	23
30	Ủy ban nhân dân Xã Hòa Hội	H29.271	23
31	Ủy ban nhân dân Xã Tân An Hội	H29.238	22
32	Ủy ban nhân dân Phường Tân Đông Hiệp	H29.281	21
33	Ủy ban nhân dân Phường Thạnh Mỹ Tây	H29.202	20

34	Ủy ban nhân dân Phường Tân Khánh	H29.295	20
35	Ủy ban nhân dân Phường Phú Thạnh	H29.222	20
36	Ủy ban nhân dân Phường Phú Nhuận	H29.212	19
37	Ủy ban nhân dân Xã Phước Hải	H29.276	19
38	Ủy ban nhân dân Phường Phước Long	H29.152	18
39	Sở Giáo dục và Đào tạo	H29.4	18
40	Ủy ban nhân dân Phường Bến Thành	H29.160	18
41	Ủy ban nhân dân Phường Cát Lái	H29.157	18
42	Ủy ban nhân dân Phường Linh Xuân	H29.149	17
43	Ủy ban nhân dân Phường Bình Cơ	H29.292	17
44	Ủy ban nhân dân Phường Bình Quới	H29.203	17
45	Ủy ban nhân dân Xã Xuyên Mộc	H29.270	16
46	Ủy ban nhân dân Phường Tân Thuận	H29.177	16
47	Ủy ban nhân dân Phường An Lạc	H29.197	16
48	Ủy ban nhân dân Phường Tân Sơn Nhì	H29.220	15
49	Ủy ban nhân dân Xã Nghĩa Thành	H29.266	14
50	Ủy ban nhân dân Xã Xuân Sơn	H29.265	14
51	Ủy ban nhân dân Phường Thông Tây Hội	H29.207	14
52	Ủy ban nhân dân Phường Phú Mỹ	H29.256	14
53	Ủy ban nhân dân Phường Thuận Giao	H29.283	14
54	Ủy ban nhân dân Xã Nhà Bè	H29.246	13
55	Ủy ban nhân dân Phường An Phú Đông	H29.193	13
56	Ủy ban nhân dân Xã An Thới Đông	H29.232	13
57	Ủy ban nhân dân Phường Tân Thới Hiệp	H29.191	12
58	Ủy ban nhân dân Phường Nhiêu Lộc	H29.164	12
59	Ủy ban nhân dân Xã Ngãi Giao	H29.261	12
60	Ủy ban nhân dân Phường Bình Thạnh	H29.200	12
61	Ủy ban nhân dân Xã Bình Châu	H29.268	11
62	Ủy ban nhân dân Xã Kim Long	H29.263	11
63	Ủy ban nhân dân Phường Tân Phú	H29.223	11
64	Ủy ban nhân dân Phường An Hội Đông	H29.209	11
65	Ủy ban nhân dân Xã Tân Vĩnh Lộc	H29.225	10
66	Ủy ban nhân dân Phường Phú Định	H29.181	10
67	Ủy ban nhân dân Xã Bàu Bàng	H29.309	10
68	Sở Văn hóa và Thể thao	H29.17	9
69	Ủy ban nhân dân Phường Vĩnh Hội	H29.165	9
70	Ủy ban nhân dân Xã Long Điền	H29.275	9
71	Ủy ban nhân dân Phường Long Hương	H29.254	9

72	Ủy ban nhân dân Phường Tây Nam	H29.297	8
73	Ủy ban nhân dân Phường Tam Thắng	H29.249	8
74	Ủy ban nhân dân Phường Bàn Cờ	H29.163	8
75	Ủy ban nhân dân Phường Cầu Ông Lãnh	H29.161	8
76	Ủy ban nhân dân Phường Tân Bình	H29.217	7
77	Ủy ban nhân dân Phường Tân Hiệp	H29.294	7
78	Ủy ban nhân dân Phường Sài Gòn	H29.159	7
79	Ủy ban nhân dân Xã Châu Pha	H29.260	7
80	Ủy ban nhân dân Phường Tây Thạnh	H29.219	7
81	Ủy ban nhân dân Phường Thới Hòa	H29.278	7
82	Ủy ban nhân dân Đặc khu Côn Đảo	H29.277	7
83	Ủy ban nhân dân Phường Lái Thiêu	H29.285	7
84	Ủy ban nhân dân Phường Chánh Hưng	H29.179	6
85	Ủy ban nhân dân Phường Chợ Lớn	H29.170	6
86	Ủy ban nhân dân Phường Bình Hòa	H29.284	6
87	Ủy ban nhân dân Xã Hòa Hiệp	H29.267	6
88	Ủy ban nhân dân Phường Bình Hưng Hòa	H29.195	6
89	Ủy ban nhân dân Xã Hưng Long	H29.229	6
90	Ủy ban nhân dân Xã Long Hòa	H29.311	6
91	Ủy ban nhân dân Phường An Khánh	H29.155	6
92	Ủy ban nhân dân Phường Bình Tây	H29.172	6
93	Ủy ban nhân dân Phường Phú Thọ	H29.186	6
94	Ủy ban nhân dân Xã Hồ Tràm	H29.269	5
95	Ủy ban nhân dân Phường Hạnh Thông	H29.204	5
96	Ủy ban nhân dân Phường Minh Phụng	H29.188	5
97	Ủy ban nhân dân Xã Long Hải	H29.274	5
98	Ủy ban nhân dân Phường Tân Hưng	H29.176	5
99	Ủy ban nhân dân Phường Thủ Đức	H29.148	5
100	Ủy ban nhân dân Phường Tân Mỹ	H29.175	5
101	Ủy ban nhân dân Phường Gò Vấp	H29.206	5
102	Sở Nội vụ	H29.10	5
103	Ủy ban nhân dân Phường Chợ Quán	H29.168	5
104	Ủy ban nhân dân Phường Bảy Hiền	H29.216	5
105	Ủy ban nhân dân Xã Bình Chánh	H29.228	5
106	Ủy ban nhân dân Phường Vườn Lài	H29.182	4
107	Ủy ban nhân dân Phường Dĩ An	H29.280	4
108	Ủy ban nhân dân Phường Tân Sơn Nhất	H29.214	4
109	Ủy ban nhân dân Phường Bình Phú	H29.173	4

110	Ủy ban nhân dân Phường Bến Cát	H29.299	4
111	Ủy ban nhân dân Phường Phước Thắng	H29.251	4
112	Ủy ban nhân dân Phường Phú Thọ Hòa	H29.221	4
113	Ủy ban nhân dân Xã Bình Lợi	H29.226	4
114	Ban Quản lý Khu Công nghệ cao	H29.29	4
115	Ủy ban nhân dân Xã Phú Hòa Đông	H29.240	4
116	Ủy ban nhân dân Phường Khánh Hội	H29.166	3
117	Ủy ban nhân dân Phường Long Nguyên	H29.298	3
118	Ủy ban nhân dân Xã Đông Thạnh	H29.245	3
119	Ủy ban nhân dân Phường Tân Sơn Hòa	H29.213	3
120	Ủy ban nhân dân Xã Củ Chi	H29.239	3
121	Ủy ban nhân dân Phường Bình Đông	H29.180	3
122	Ủy ban nhân dân Phường Tân Phước	H29.258	2
123	Ủy ban nhân dân Xã Phú Giáo	H29.307	2
124	Ủy ban nhân dân Phường Bà Rịa	H29.253	2
125	Ủy ban nhân dân Xã An Long	H29.304	2
126	Ủy ban nhân dân Phường Long Trường	H29.154	2
127	Ủy ban nhân dân Xã Dầu Tiếng	H29.312	2
128	Ủy ban nhân dân Phường Tân Hòa	H29.215	2
129	Ủy ban nhân dân Xã Bình Mỹ	H29.241	2
130	Ủy ban nhân dân Phường Bình Tân	H29.194	2
131	Ủy ban nhân dân Phường Xuân Hòa	H29.162	2
132	Ủy ban nhân dân Phường Thới An	H29.192	2
133	Ủy ban nhân dân Phường Thủ Dầu Một	H29.289	2
134	Ủy ban nhân dân Phường Hòa Lợi	H29.301	2
135	Ủy ban nhân dân Xã Bình Hưng	H29.230	2
136	Ủy ban nhân dân Xã Châu Đức	H29.264	2
137	Ủy ban nhân dân Phường Bình Dương	H29.287	2
138	Ủy ban nhân dân Xã Bình Giã	H29.262	2
139	Ủy ban nhân dân Phường Bình Lợi Trung	H29.201	2
140	Ủy ban nhân dân Xã Thanh An	H29.313	2
141	Ủy ban nhân dân Phường Diên Hồng	H29.183	1
142	Ủy ban nhân dân Phường Chánh Phú Hòa	H29.300	1
143	Ủy ban nhân dân Phường Bình Tiên	H29.171	1
144	Ủy ban nhân dân Xã Hiệp Phước	H29.247	1
145	Ủy ban nhân dân Phường Cầu Kiệu	H29.211	1
146	Ủy ban nhân dân Xã Nhuận Đức	H29.237	1
147	Ủy ban nhân dân Phường Hòa Hưng	H29.184	1

148	Ủy ban nhân dân Phường Trung Mỹ Tây	H29.190	1
149	Ủy ban nhân dân Phường Bình Trị Đông	H29.196	1
150	Ủy ban nhân dân Xã Long Sơn	H29.252	1
151	Ủy ban nhân dân Phường Vĩnh Tân	H29.291	1
152	Ủy ban nhân dân Phường Tân Sơn	H29.218	1
153	Ủy ban nhân dân Phường Thuận An	H29.282	1
154	Ủy ban nhân dân Phường Long Phước	H29.153	1
155	Ủy ban nhân dân Xã Đất Đỏ	H29.273	1
156	Ủy ban nhân dân Phường Tăng Nhơn Phú	H29.151	1
157	Ủy ban nhân dân Phường Tân Thành	H29.257	1
158	Ủy ban nhân dân Xã Tân Nhựt	H29.227	1
159	Ủy ban nhân dân Phường Phú Thuận	H29.178	1
160	Ủy ban nhân dân Xã Hóc Môn	H29.242	1
161	Sở Du lịch	H29.3	1
162	Ủy ban nhân dân Xã đảo Thạnh An	H29.234	1
163	Ủy ban nhân dân Phường An Hội Tây	H29.208	1
164	Ủy ban nhân dân Phường Phú An	H29.296	1
165	Ủy ban nhân dân Phường An Nhơn	H29.205	1
166	Ủy ban nhân dân Phường Hòa Bình	H29.185	1
167	Ủy ban nhân dân Phường Đức Nhuận	H29.210	1